

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN (LẦN 1)
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị rủi ro tài chính		
Mã học phần:	71FINC40043	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71FINC40043_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 15/03/2024**.

Cách thức nộp bài phần tự luận: Upload file bài làm word

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi: 11
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).
 - Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Áp dụng kiến thức về thị trường, tỷ giá, tín dụng và thanh khoản để xác định công cụ quản trị, giúp ứng phó với rủi ro tài	Trắc nghiệm + Tự luận	20%	2,5 và câu 1 (trừ 1c)	5.55	4.3

	chính cho cá nhân và tổ chức					
CLO 2	Thực hiện phát triển khả năng phân biệt để đánh giá và giải quyết thành thực các tình huống quản trị rủi ro tài chính	Trắc nghiệm + Tự luận	20%	1,3,4,6,7,8 câu 1c, và câu 2	4.45	5.3
CLO 3	Xây dựng nhiệm vụ phù hợp cho mỗi thành viên, và sử dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện công việc chuyên môn	Trắc nghiệm + Tự luận	30%			6.1
CLO 4	Thực hiện thói quen tự học và nghiên cứu thêm các tình huống quản trị rủi ro tài chính trên thực tế	Trắc nghiệm + Tự luận	30%		Đã bao gồm trong CLO1,2	10.4

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.2 điểm)

Câu 1 (0.4 điểm):

Hãy xem xét một danh mục gồm 18 triệu USD đầu tư vào chỉ số S&P 500 và 15 triệu USD đầu tư vào trái phiếu kho bạc Mỹ. S&P 500 có tỷ suất sinh lợi dự kiến là 10% và độ lệch chuẩn là 12%. Trái phiếu kho bạc Mỹ có tỷ suất sinh lợi là 12% và độ lệch chuẩn là 8%. Hệ số tương quan giữa S&P 500 và trái phiếu là 0.2. Tính Mức sinh lời danh mục đầu tư chứng khoán $E(R_p)$?

- A. 21%
- B. 11%
- C. 10%
- D. 8%

ANSWER: A

Câu 2 (0.4 điểm):

Anna đã mua một quyền chọn bán đồng bảng Anh với giá là \$0.25 cho mỗi đơn vị. Giá đóng cửa của quyền chọn là \$1.95, và giá hiện tại (spot rate) của đồng bảng Anh khi quyền chọn được thực hiện là \$1.28. Giả sử rằng có 20,260 đơn vị trong một quyền chọn bán đồng bảng Anh. Tính lợi nhuận của Anna từ quyền chọn này là bao nhiêu?

- A. \$60,374.8
- B. \$60,002.4
- C. \$50,000.02
- D. \$45,500.05

ANSWER: A

Câu 3 (0.4 điểm):

Người sử dụng công cụ phái sinh để giảm thiểu rủi ro là:

- A. Nhà tự bảo hiểm
- B. Nhà đầu cơ
- C. Nhà kinh doanh chênh lệch giá
- D. Nhà tạo lập thị trường

ANSWER: A

Câu 4 (0.4 điểm):

Giả sử có hai yếu tố sau tác động đến hành vi không trả được nợ trong quá khứ của khách hàng vay là tỉ số nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E) và tỉ số doanh thu trên tổng tài sản (S/A). Dựa trên số liệu vỡ nợ trong quá khứ, người ta ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

$$PD_i = 0.45 (D/E_i) + 0.28(S/A_i)$$

Giả thiết rằng một khách hàng tiềm năng có $D/E = 0.5$ và $S/A = 2.0$. Tính xác suất vỡ nợ của khách hàng đó.

- A. 0.79
- B. 0.80
- C. 0.69
- D. 0.68

ANSWER: A

Câu 5 (0.4 điểm):

Công ty Shell tại Anh bỏ ra 1 triệu USD đầu tư vào cổ phiếu ở Việt Nam.

+ Hiện nay: công ty Shell sẽ đổi 1 triệu USD sang VND với tỷ giá 1 USD = 23.000 VND, và đầu tư vào cổ phiếu ACB với giá 23.000 VND / CP.

+ 1 năm sau: công ty bán ra lượng cổ phiếu ACB đó với giá 25.000 VND / CP và đổi lại ra USD. Hãy tính lợi nhuận theo số tiền USD mà công ty Shell nhận được, trong trường hợp: Tỷ giá 1 năm sau đó là 1 USD = 24.800 VND.

- A. \$ 8,064.52
- B. \$ 7,063.53
- C. \$ 9,038.52
- D. \$ 1,000

ANSWER: A

Câu 6 (0.4 điểm):

Theo mô hình tính điểm tín dụng của Altman, Doanh nghiệp nào có:

- A. Z-score nhỏ hơn hoặc bằng 1,81 được coi là Doanh nghiệp có rủi ro vỡ nợ lớn
- B. Z-score nhỏ hơn hoặc bằng 1,81 được coi là Doanh nghiệp có rủi ro vỡ nợ thấp
- C. Z-score nhỏ hơn hoặc bằng 1,81 được coi là Doanh nghiệp có rủi ro vỡ nợ trung bình
- D. Z-score nhỏ hơn hoặc bằng 1,81 được coi là Doanh nghiệp không có rủi ro vỡ nợ

ANSWER: A

Câu 7 (0.4 điểm):

Công ty Lộc Trời thương lượng ký kết hợp đồng xuất khẩu gạo trị giá 2.5 triệu USD với đối tác Mỹ. Hợp đồng sẽ đến hạn thanh toán 6 tháng sau kể từ ngày ký hợp đồng. Ở thời điểm thương lượng hợp đồng, tỷ giá là 1 USD = 23.000 VND. Hãy tính khoản chênh lệch bằng VND của hợp đồng trên ở thời điểm công ty Lộc Trời nhận tiền vào 6 tháng sau so với thời điểm hiện nay nếu công ty nhận tiền ngay, trong trường hợp sau: Tỷ giá 6 tháng sau là 1 USD = 21.000 VND.

- A. \$5,000,000,000
- B. \$10,000,000,000
- C. \$15,000,000,000
- D. \$20,000,000,000

ANSWER: A

Câu 8 (0.4 điểm):

Công ty Richy thương lượng ký kết hợp đồng nhập khẩu máy móc trị giá 12 triệu USD với đối tác Mỹ. Hợp đồng sẽ đến hạn thanh toán 6 tháng sau kể từ ngày ký hợp đồng. Ở thời điểm thương lượng hợp đồng, tỷ giá là 1 USD = 23.500 VND. Hãy tính khoản chênh lệch bằng VND của hợp đồng trên ở thời điểm công ty Richy trả tiền vào 6 tháng sau so với thời điểm hiện nay nếu công ty trả tiền ngay, trong trường hợp: Tỷ giá 6 tháng sau là 1 USD = 22.300 VND

- A. \$ 14,400,000,000
- B. \$ 14,500,000,000
- C. \$ 18,400,000,000
- D. \$ 24,400,000,000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN**Câu 1: (6 điểm)**

Quỹ đầu tư Mekong Capital đang xem xét đầu tư vào cổ phiếu HQC, DIG. Quỹ đầu tư này dự đoán tỷ suất lợi nhuận của 2 cổ phiếu trên tương ứng với 2 tình trạng của nền kinh tế là suy thoái và tăng trưởng được cho theo bảng dưới đây.

Tình trạng kinh tế	Xác suất xảy ra	Tỷ suất lợi nhuận cổ phiếu HQC	Tỷ suất lợi nhuận cổ phiếu DIG
Suy thoái	30%	-11%	15%
Tăng trưởng	70%	30%	9%

- a. Tính tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của mỗi cổ phiếu ?
- b. Tính độ lệch chuẩn tỷ suất lợi nhuận của mỗi cổ phiếu ?
- c. Dựa vào mức độ rủi ro trên lợi nhuận, nhà đầu tư nên chọn đầu tư vào cổ phiếu HQC hay cổ phiếu DIG ? Vì sao?
- d. Quỹ đầu tư Mekong Capital đang cân nhắc xây dựng danh mục đầu tư P với tỷ trọng đầu tư 45% vào cổ phiếu HQC và 55% vào cổ phiếu DIG. Hãy tính tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng và độ lệch chuẩn tỷ suất lợi nhuận của danh mục đầu tư P trên ?

Câu 2: (0.8 điểm)

Tính chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (CAPM)? Biết rằng Lãi suất tín phiếu kho bạc là 2.9%. Hệ số Beta là 1.75%. Phần bù rủi ro thị trường là 8.2%.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú	
I. Trắc nghiệm		3.2		
Câu 1	21%	0.4		
Câu 2	\$60,374.8	0.4		
Câu 3	Nhà tự bảo hiểm	0.4		
Câu 4	0.79	0.4		
Câu 5	\$ 8,064.52	0.4		
Câu 6	Z-score nhỏ hơn hoặc bằng 1,81 được coi là Doanh nghiệp có rủi ro vỡ nợ lớn	0.4		
Câu 7	\$5,000,000,000	0.4		
Câu 8	\$ 14,400,000,000	0.4		
II. Tự luận		6.8		
Câu 1		6.0		
	a	$E(R)_{HQC} = 30\% \times (-11\%) + 70\% \times 30\% = 17.7\%$	0.5	
		$E(R)_{DIG} = 30\% \times 15\% + 70\% \times 9\% = 10.8\%$	0.5	
	b	$\sigma_{HQC} = \sqrt{30\% \times (-11\% - 17.7\%)^2 + 70\% \times (30\% - 17.7\%)^2}$	0.5	
		$\approx 18.8\%$	0.25	
		$\sigma_{DIG} = \sqrt{30\% \times (15\% - 10.8\%)^2 + 70\% \times (9\% - 10.8\%)^2}$	0.5	
		$\approx 2.7\%$	0.25	
	c	$CV_{HQC} = 18.8\% / 17.7\% \approx 1.06$	0.25	
		$CV_{DIG} = 2.7\% / 10.8\% \approx 0,25$	0.25	
		Kết luận: Dựa vào mức độ rủi ro trên lợi nhuận, nhà đầu tư nên chọn đầu tư vào cổ phiếu DIG.	0.25	
		Lý do: $CV_{DIG} < CV_{HQC}$	0.5	
	d	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư P: $E(R)_P = 45\% \times 17.7\% + 55\% \times 10.8\%$	0.5	
		$\approx 13.9\%$	0.25	
		Hợp phương sai của cổ phiếu HQC và DIG: $\sigma_{HQC,DIG} = 30\% \times (-11\% - 17.7\%) \times (15\% - 10.8\%) + 70\% \times (30\% - 17.7\%) \times (9\% - 10.8\%)$	0.5	
	$= -0,005166$	0.25		
	Độ lệch chuẩn tỷ suất lợi nhuận của danh mục đầu tư P: $\sigma_P =$ $\sqrt{(45\%)^2 \times (18.8\%)^2 + (55\%)^2 \times (2.7\%)^2 + 2 \times 45\% \times 55\% \times (-0,005166)}$	0.5		
	$\approx 6.9\%$	0.25		
Câu 2		0.8		
	$r_e = 2.9\% + 1.75\% \times 8.2\%$	0.5		
	$\approx 3.04\%$	0.3		
Điểm tổng		10.0		

Người duyệt đề



ThS. Lê Thị Mỹ Duyên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Lê Ngọc Nhân Ái